

Bản án số: 212/2020/DS – ST

Ngày: 07/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Thông.

2. Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020, về “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền số 2271/2019/UQ-TTT ngày 12/12/2019) (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 539/6 đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngày 25/3/2011, ông Nguyễn Thanh H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng cho ông H.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 6.500.000 đồng và đã trả cho Ngân hàng số tiền 12.397.000 đồng. Do ông H không trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng mặc dù Ngân hàng đã thông báo nhiều lần, nên ngày 21/4/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông H sang nợ quá hạn. Dư nợ tính đến ngày 07/8/2020 là: nợ gốc 2.563.034 đồng, lãi quá hạn 3.418.955 đồng, tổng cộng 5.981.989 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông H phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 07/8/2020 là 5.981.989 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/8/2020 cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2011.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và đề hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Xét bị đơn có nơi cư trú

tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [1]

1.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên”. Nhận thấy không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét. [2]

1.3. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. [3]

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc ông Nguyễn Thanh H ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và thực hiện các giao dịch với số tiền tổng cộng là 6.500.000 đồng, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, còn nợ số tiền nợ gốc là 2.563.034 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình pH thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không pH chứng minh”. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thực hiện giao dịch, số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2011, các bảng sao kê của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn. [4]

2.2. Về số tiền nợ lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Xét thấy ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 21/4/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông H sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 23 của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. [5]

Số tiền nợ lãi quá hạn theo bảng sao kê của nguyên đơn nộp cho Tòa án tính đến ngày 07/8/2020 là 3.418.955 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. [6]

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 2.563.034 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 21/4/2013 đến ngày 07/8/2020 là 3.418.955 đồng. [7]

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 08/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng. [8]

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn PH chịu án phí dân sự sơ thẩm. [8]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 5.981.989 đồng (năm triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng), gồm nợ gốc là 2.563.034 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/8/2020 là 3.418.955 đồng.

Kể từ ngày 08/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng (là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Thi hành một lần, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Thanh H chịu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014410 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên